

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 173/2019/DS-PT
Ngày: 16/10/2019
V/v: Tranh chấp hợp đồng góp hui.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Dung

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Trường

Bà Sơn Nữ Phà Ca

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Hồng Sương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa:
Bà Trần Ngọc Bích- Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 10 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 117/2019/TLPT-DS, ngày 27 tháng 08 năm 2019 về “*Tranh chấp hợp đồng góp hui*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 26/2019/DS-ST ngày 10 tháng 6 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 178/2019/QĐ-PT, ngày 09 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Ch, sinh năm 1958 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp P, xã L, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Ch* là ông Nguyễn Quang D- Trợ giúp viên pháp lý của Trung Tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Vĩnh Long .

- *Bị đơn:*

1. Chị Phan Thị Ánh L, sinh năm 1982 (có mặt).

2. Anh Trần Khắc V, sinh năm 1981 (vắng mặt).

- *Người đại diện theo ủy quyền của anh Trần Khắc V* là chị Phan Thị Ánh L, sinh năm 1982 (ủy quyền ngày 21 tháng 01 năm 2019, có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1952 (có mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp P, xã L, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

- *Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn Tiểu là chị Nguyễn Thị Diễm, sinh năm 1975;*

Địa chỉ: ấp B, xã N, huyện T, tỉnh Vĩnh Long (ủy quyền ngày 03/10/2018, vắng mặt).

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông T là ông Lê Văn Nh - Trợ giúp viên pháp lý của Trung Tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Vĩnh Long .*

2. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1959 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp P, xã L, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

- *Người làm chứng:*

1. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1941 (vắng mặt).

2. Chị Nguyễn Thị C, sinh năm 1978 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp B, xã N huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long.

3. Bà Nguyễn Thị Ngọc L, sinh năm 1957 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp P, xã L, huyện T, tỉnh Vĩnh Long(vắng mặt).

4. Bà Võ Thị H, sinh năm 1967 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp P, xã L, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

Người kháng cáo: Chị Phan Thị Ánh Loan là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Tại đơn khởi kiện ngày 14 tháng 6 năm 2018 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ch trình bày:*

Trong các năm 2016 và 2017, bà Ch làm đầu thảo nhiều dây hụi có hoa hồng và có lãi. Số tiền hoa hồng chủ hụi được nhận ở mỗi kỳ khai hụi, chị Phan Thị Ánh L tham gia 21 dây hụi 02 tháng và 18 dây hụi mùa. Trong quá trình góp hụi, do nhiều hụi viên đã hốt hụi không góp tiền hụi chết nên tháng 5/2017 bà Ch không còn khả năng chằng hụi. Do vậy bà Ch và các hụi viên thống nhất chấm dứt hụi, bà Ch sẽ thu tiền hụi của các hụi viên đã hốt hụi để trả lại cho các hụi viên có phần hụi sống ở các kỳ khai hụi tiếp theo, đối với phần hụi các hụi viên hốt hụi bỏ địa phương đi thì bà Ch góp thay. Trên cơ sở thỏa thuận, chị L tự cộng, khấu trừ tiền của các phần hụi chưa hốt vào các phần hụi đã hốt hụi thì còn nợ bà Ch số tiền 156.720.000 đồng. Cụ thể như sau:

I. ĐỐI VỚI CÁC DÂY 02 THÁNG KHUI 01 KỲ:

1. Hụi 5.000.000đ, mở ngày 09/01/2016 âm lịch (ngày 08/02/2016 dl), mãn hụi ngày 09/9/2017 âm lịch (ngày 28/10/2017), chị L tham gia 02 dây, mỗi dây tham gia 01 phần, có 11 phần; đã khai được 09 kỳ, còn lại 02 kỳ .

- Dây 1: Tại kỳ thứ 03 (ngày 09/5/2016 âm lịch), chị L bỏ thăm hốt hụi 1.900.000 đồng, hụi viên đóng 3.100.000 đồng, trừ hoa hồng 1.200.000đ nhận

được số tiền 33.600.000 đồng. Chị L đóng 6 kỳ phải góp 02 kỳ = 6.200.000 đồng.

- Dây 2 : Tại kỳ thứ 02 (ngày 09/3/2016 âm lịch), chị L bỏ thăm hốt hụi 2.000.000 đồng, hụi viên đóng 3.000.000 đồng, trừ hoa hồng 1.200.000đ nhận được số tiền 30.800.000 đồng. Chị L phải góp 02 kỳ = 6.000.000 đồng.

Tổng cộng là 12.200.000đ

2. Hụi 2.000.000đ, mở ngày 26/7/2016 âm lịch (ngày 28/8/2016 dl), mãn hụi ngày 26/3/2018 âm lịch (ngày 11/5/2018 dl), chị L tham gia 05 dây với 07 phần (trong đó dây thứ năm 03 phần). Mỗi dây gồm 11 phần, đã khai được 06 kỳ, còn lại 05 kỳ. Trong đó, chị L đã khai 03 dây 05 phần, còn lại 02 dây 02 phần chưa khai:

Các dây hụi và phần hụi đã khai:

- Dây 1: Tại kỳ thứ 05 (ngày 26/3/2017 âm lịch), chị L bỏ thăm hốt hụi 960.000 đồng, hụi viên đóng 1.040.000 đồng, trừ hoa hồng 600.000đ nhận được số tiền 13.640.000 đồng. Chị L phải góp 05 kỳ = 5.200.000 đồng.

- Dây 2: (theo sổ hụi là dây 5)

+ Phần 1: Tại kỳ thứ 01 (ngày 26/7/2016 âm lịch), chị Loan bỏ thăm hốt hụi 650.000 đồng, hụi viên đóng 1.350.000 đồng, trừ hoa hồng 600.000đ nhận được số tiền 12.900.000 đồng; Chị L phải góp 5 kỳ = 6.750.000đ.

+ Phần 2: Tại kỳ thứ 02 (ngày 26/9/2016 âm lịch), chị bỏ thăm hốt hụi 960.000 đồng, hụi viên đóng 1.040.000 đồng, trừ hoa hồng 600.000đ nhận được số tiền 10.760.000 đồng; Chị L phải góp 5 kỳ = 5.200.000đ.

+ Tại kỳ thứ 03 (ngày 26/11/2016 âm lịch), chị L bỏ thăm hốt hụi 1.000.000 đồng, hụi viên đóng 1.000.000 đồng, trừ hoa hồng 600.000đ nhận được số tiền 11.400.000 đồng; Chị L phải góp 5 kỳ = 5.000.000đ.

- Dây 3 (theo sổ hụi là dây 6): Tại kỳ thứ 02 (ngày 26/9/2016 âm lịch), chị L bỏ thăm hốt hụi 990.000 đồng, hụi viên đóng 1.010.000 đồng, trừ hoa hồng 600.000đ nhận được 10.490.000 đồng. Chị L phải góp 05 kỳ = 5.050.000 đồng.

Tổng cộng là 27.200.000đ

Có 2 dây hụi chưa khai:

Dây 4: đã góp được 7.190.000 đồng;

Dây 5: đã góp được 6.350.000 đồng.

Tổng cộng chị L được nhận lại số tiền 13.540.000 đồng.

Sau khi khấu trừ, chị L phải đóng tiếp số tiền: 27.200.000đ - 13.540.000 đồng = 13.660.000 đồng .

3. Hụi 3.000.000đ, mở ngày 20/11/2016 âm lịch (ngày 18/12/2016 dl), mãn hụi ngày 20/7/2018 âm lịch (ngày 30/8/2018 dl), chị L tham gia 10 dây 11 phần (dây thứ sáu tham gia 02 phần), mỗi dây gồm 12 phần, đã khai được 04 kỳ, còn lại 08 kỳ chưa khai. Trong đó, chị L đã khai 07 dây 07 phần, còn lại 03 dây 03 phần và 01 phần tại dây thứ sáu chưa khai.

Các dây hụi và phần hụi đã khai:

- Dây 1: Tại kỳ thứ 02 (ngày 20/01/2017 âm lịch), chị L bỏ thăm hụi 1.100.000 đồng, hụi viên đóng 1.900.000 đồng, trừ hoa hồng 800.000đ nhận được số tiền 21.200.000 đồng. Chị L phải góp lại 08 kỳ = 15.200.000 đồng.

- Dây 2 (sổ hụi là dây 3) : Tại kỳ thứ 02 (ngày 20/01/2017 âm lịch), chị L bỏ thăm hụi 1.250.000 đồng, hụi viên đóng 1.750.000 đồng, trừ hoa hồng 800.000đ nhận được 19.700.000 đ. Chị L phải góp 08 kỳ = 14.000.000 đ.

- Dây 3 (sổ hụi là dây 4) : Tại kỳ thứ 02 (ngày 20/01/2017 âm lịch), chị L bỏ thăm hụi 1.310.000 đồng, hụi viên đóng 1.690.000 đồng, trừ hoa hồng 800.000đ nhận được số tiền 19.100.000 đồng. Chị L phải góp 08 kỳ = 13.520.000 đồng.

- Dây 4 (sổ hụi là dây 5) : Tại kỳ thứ 02 (ngày 20/01/2017 âm lịch), chị L bỏ thăm hụi 1.300.000 đồng, hụi viên đóng 1.700.000 đồng, trừ hoa hồng 800.000đ nhận được số tiền 19.200.000 đồng. Chị L phải góp 08 kỳ = 13.600.000 đồng.

- Dây 5 (sổ hụi là dây 6): Tại kỳ thứ 01 (ngày 20/11/2016 âm lịch), chị L bỏ thăm hụi số tiền 950.000 đồng, hụi viên đóng 2.050.000 đồng, trừ hoa hồng 800.000đ nhận được số tiền 21.750.000 đồng. Chị L phải góp 08 kỳ = 16.400.000 đồng.

- Dây 6: (sổ hụi là dây 7): Tại kỳ thứ 03 (ngày 20/3/2017 âm lịch), chị L bỏ thăm hụi 1.480.000 đồng, hụi viên đóng 1.520.000 đồng, trừ hoa hồng 800.000đ nhận được số tiền 18.880.000 đồng. Chị L phải góp 08 kỳ = 12.160.000 đồng.

- Dây 7: (sổ hụi là dây 8): Tại kỳ thứ 04 (ngày 20/5/2017 âm lịch), chị L bỏ thăm hụi 800.000 đồng, hụi viên đóng 2.200.000 đồng, trừ hoa hồng 800.000đ nhận được số tiền 25.800.000 đồng. Chị L phải góp 08 kỳ = 17.600.000 đồng.

Tổng cộng là : 102.480.000 đồng.

Các dây hụi và phần hụi chưa khai:

Dây 1 (sổ hụi ghi dây 2); đã góp được 7.700.000 đồng;

Dây 2 (sổ hụi ghi dây 6) 01 phần đã góp được 7.430.000 đồng;

Dây 3 (sổ hụi ghi dây 9) đã góp được 7.450.000 đồng;

Dây 4 (sổ hụi ghi dây 10) đã góp được 7.340.000 đồng.

Tổng cộng chị L được nhận lại 29.920.000 đồng.

Sau khi khấu trừ, chị L phải góp tiếp số tiền 72.560.000 đồng.

4. Hụi 5.000.000 đồng, mở ngày 26/02/2017 âm lịch (ngày 23/3/2017 dương lịch), mãn hụi ngày 09/12/2018 âm lịch (ngày 14/01/2019 dương lịch), chị Loan tham gia 04 dây, mỗi dây tham gia 01 phần, có 12 phần; đã khai được 02 kỳ, còn lại 10 kỳ chưa khai. Trong đó, chị L hụi 02 dây 02 phần, còn lại

02 dây 02 phần chưa khai.

Các dây hụi đã khai hụi:

- Dây 1: Tại kỳ thứ 01 (ngày 26/02/2017 âm lịch), chị L bỏ thăm hốt hụi 2.000.000 đồng, hụi viên đóng 3.000.000 đồng, trừ hoa hồng 1.200.000đ nhận được số tiền 31.800.000 đồng, chị L phải góp 10 kỳ = 30.000.000 đồng.

- Dây 2: Tại kỳ thứ 02 (ngày 26/4/2017 âm lịch), chị L bỏ thăm hốt hụi 2.550.000 đồng, hụi viên đóng 2.450.000 đồng, trừ hoa hồng 1.200.000đ, nhận được số tiền 28.300.000 đồng. Chị L phải góp 10 kỳ = 24.500.000 đồng.

Các dây hụi chưa khai hụi :

- Dây 2 và dây thứ 3 mỗi dây đã góp được 5.550.000 đồng. Chị L được hoàn lại số tiền 11.100.000 đồng.

Sau khi khấu trừ, chị L phải góp số tiền 43.400.000 đồng.

ĐỐI VỚI CÁC DÂY MÙA 04 THÁNG KHUI 01 KỲ:

1. Hụi khai ngày 09/02/2017 âm lịch (ngày 06/3/2017 dl), mần hụi ngày 09/8/2020 âm lịch (ngày 06/10/2020 dl), số tiền góp 5.000.000 đồng/kỳ. Chị L tham gia 08 dây, mỗi dây tham gia 01 phần, có 12 phần; đã khai được 01 kỳ, còn lại 11 kỳ chưa khai. Trong đó, chị L đã khai 01 dây 01 phần, còn lại 07 dây 07 phần chưa khai:

01 dây hụi đã khai hụi:

-Dây 4: Tại kỳ thứ 01 (ngày 09/02/2017 âm lịch), chị L bỏ thăm hốt hụi số tiền 2.100.000 đồng, hụi viên đóng 2.900.000 đồng, trừ hoa hồng 1.500.000đ nhận được số tiền 30.400.000 đồng. Chị L nợ lại 11 kỳ = 31.900.000 đồng.

- 07 dây hụi và phần hụi chưa khai: Dây thứ nhất, thứ hai, thứ ba, thứ năm, thứ sáu, thứ bảy, thứ tám, mỗi dây đã góp được 2.900.000 đồng. Chị L được nhận lại số tiền 20.300.000 đồng.

Sau khi khấu trừ, chị L phải góp số tiền 11.600.000 đồng.

2. Hụi khai ngày 09/02/2017 âm lịch (ngày 06/3/2017 dl), mần hụi ngày 09/12/2020 âm lịch (ngày 21/01/2021 dl), số tiền góp 2.000.000 đồng/kỳ. Chị L tham gia 10 dây, mỗi dây tham gia 01 phần, có 13 phần; đã khai được 01 kỳ, còn lại 12 kỳ chưa khai. Trong đó, chị L đã khai 01 dây 01 phần, còn lại 09 dây 09 phần chưa khai.

01dây hụi đã khai hụi :

Dây 8: Tại kỳ thứ 01 (ngày 09/02/2017 âm lịch), chị L bỏ thăm hốt hụi số tiền 900.000 đồng, hụi viên đóng số tiền 1.100.000 đồng, trừ hoa hồng 600.000đ nhận được số tiền 12.600.000 đồng. Chị L nợ lại 12 kỳ số tiền 13.200.000 đồng.

09 dây hụi chưa khai hụi: Dây thứ nhất, thứ hai, thứ ba, thứ tư, thứ năm, thứ sáu, thứ bảy, thứ chín, thứ mười, mỗi dây đã góp được 1.100.000 đồng. Chị L được hoàn lại số tiền 9.900.000 đồng.

Sau khi khấu trừ, chị L phải góp số tiền 3.300.000 đồng.

Cộng chung: 156.720.000đ

Sau khi đối chiếu sổ hội, chị L thỏa thuận được bà Ch và ông Ph trừ số tiền 15.000.000 đồng mà ông Ph mượn hội chị L tại đây thứ nhất, loại hội 02 tháng khai ngày 26/02/2017 âm lịch và chị L trả tiếp được một số tiền nên còn lại là 117.000.000 đồng. Chị L thỏa thuận trả bà T số tiền 54.000.000 đồng, bà L số tiền 7.900.000 đồng, chị Th số tiền 1.100.000 đồng, trả bà Ch số tiền 54.000.000 đồng. Sau đó, chị L trả cho bà Ch và bà T mỗi người 3.000.000 đồng nên ngày 14/10/2017, chị L viết biên nhận trả bà T 51.000.000 đồng, trả bà L 7.900.000 đồng, trả chị Th 1.100.000 đồng, trả bà Ch 51.000.000 đồng. Vợ chồng bà Ch đã góp thay cho các hội viên chưa hót hội nhưng chị L không trả tiền cho bà Ch nên bà Ch khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị L và chồng là anh Trần Khắc V cùng có trách nhiệm trả bà Ch và ông T số tiền 51.000.000 đồng, không yêu cầu trả lãi. Bà Ch không đồng ý trả số tiền 53.130.000 đồng theo yêu cầu phản tố của chị L.

** Tại đơn phản tố đề ngày 20 tháng 9 năm 2018 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Phan Thị Ánh L trình trình bày:*

Chị L có tham gia các dây hội như lời bà Ch trình bày. Trong quá trình góp hội, bà Ch có thông báo cho các hội viên biết không còn khả năng thanh toán thay cho các hội viên đã hót hội nên thỏa thuận chấm dứt hội và giải quyết hậu quả như bà Ch đã trình bày. Sau khi chấm dứt hội, chị L và bà Ch đối chiếu các dây hội, kết sổ tiền hội. Giấy biên nhận đề ngày 14/10/2017 là do chị L viết với nội dung: Chị thiếu lại bà Ch số hội vốn 51.000.000 đồng; nhận trả phần hội vốn cho bà T 51.000.000 đồng, bà L 7.900.000 đồng, chị Th 1.100.000 đồng.

Tuy nhiên, khi đối chiếu lại các tờ hội bà Ch giao nộp có nhiều dây hội và phần hội không có chữ ký nhận tiền hót hội nên bà Ch phải hoàn trả lại chị L tiền hội vốn, cụ thể như sau:

Đối với các dây hội 02 tháng khai 01 kỳ:

1. Hội 5.000.000đ, mở ngày 09/01/2016 âm lịch, tham gia 02 dây, mỗi dây tham gia 01 phần. Cả 02 phần hội chưa hót hội.

- Dây thứ nhất: đã góp được 26.250.000 đồng;

- Dây thứ hai: đã góp được 25.400.000 đồng.

Bà Ch phải trả chị Loan số tiền 51.650.000 đồng.

2. Hội 2.000.000 đồng, mở ngày 26/7/2016 âm lịch, tham gia 05 dây với 07 phần (dây thứ năm 03 phần).

Dây hội đã hót hội:

Dây thứ năm: 01 phần khai ngày 26/7/2016 âm lịch, số tiền khai hội 650.000 đồng, trừ hoa hồng nhận được số tiền 12.900.000 đồng, đã góp 05 kỳ hội chết, số tiền 10.000.000 đồng; 01 phần khai ngày 26/11/2016 âm lịch, số tiền khai hội 1.000.000 đồng, trừ hoa hồng nhận được số tiền 12.000.000 đồng, đã góp 02

kỳ hội sống và 04 kỳ hội chết, số tiền 8.390.000 đồng. Chị L phải trả cho bà Ch là 6.510.000 đồng.

Các dây hội chưa hốt hội :

Dây thứ nhất: đã góp 7.190.000 đồng;

Dây thứ hai: đã góp 6.440.000 đồng;

Dây thứ ba: đã góp 6.920.000 đồng;

Dây thứ năm: 01 phần đã góp 6.720.000 đồng;

Dây thứ sáu: đã góp 6.640.000 đồng.

Bà Ch phải hoàn lại chị Loan số tiền 33.900.000 đồng.

Sau khi khấu trừ, bà Ch phải hoàn trả lại chị Loan số tiền 27.390.000 đồng.
(33.900.000 đồng - 6.510.000 đồng) .

3. Hội 3.000.000đ, mở ngày 20/11/2016 âm lịch tham gia 10 dây với 11 phần (dây thứ sáu 02 phần).

Các dây hội đã hốt hội :

Dây thứ nhất: khai ngày 20/01/2017 âm lịch, số tiền khai hội 1.100.000 đồng, trừ hoa hồng nhận được số tiền 20.100.000 đồng, đã góp 01 kỳ hội sống và 02 kỳ hội chết, số tiền 8.050.000 đồng;

Dây thứ ba: khai ngày 20/01/2017 âm lịch, số tiền khai hội 1.250.000 đồng, trừ hoa hồng nhận được số tiền 19.600.000 đồng, đã góp 01 kỳ hội sống và 02 kỳ hội chết, số tiền 8.050.000 đồng;

Dây thứ tư: khai ngày 20/01/2017 âm lịch, số tiền khai hội 1.310.000 đồng, trừ hoa hồng nhận được số tiền 19.900.000 đồng, đã góp 01 kỳ hội sống và 02 kỳ hội chết, số tiền 8.050.000 đồng;

Dây thứ năm: khai ngày 20/01/2017 âm lịch, số tiền khai hội 1.300.000 đồng, trừ hoa hồng nhận được số tiền 19.100.000 đồng, đã góp 01 kỳ hội sống và 02 kỳ hội chết, số tiền 8.050.000 đồng;

Dây thứ sáu: khai ngày 20/11/2016 âm lịch, số tiền khai hội 950.000 đồng, trừ hoa hồng nhận được số tiền 19.600.000 đồng, đã góp 03 kỳ hội chết, số tiền 9.000.000 đồng.

Số tiền chị L trả bà Ch là 60.050.000 đồng.

Các dây hội chưa khai hội :

Dây thứ hai: đã góp 7.700.000 đồng;

Dây thứ sáu: 01 phần đã góp 7.430.000 đồng;

Dây thứ bảy: đã góp 7.420.000 đồng;

Dây thứ tám: đã góp 7.450.000 đồng;

Dây thứ chín: đã góp 7.450.000 đồng;

Dây thứ mười: đã góp số tiền 7.340.000 đồng.

Bà Ch phải hoàn lại cho chị L số tiền 44.790.000 đồng.

Sau khi khấu trừ, chị L phải góp cho bà Ch 15.260.000 đồng.

4. Hụi 5.000.000 đồng, mở ngày 26/02/2017 âm lịch, tham gia 04 dây, mỗi dây tham gia 01 phần.

Dây hụi đã hốt hụi :

Dây hụi thứ nhất: khui ngày 26/02/2017 âm lịch, số tiền khui hụi 2.000.000 đồng, trừ hoa hồng nhận được số tiền 33.800.000 đồng; đã chia cho ông Ph mượn $\frac{1}{2}$ phần hụi thống nhất hoàn lại số tiền 16.900.000 đồng; đã góp $\frac{1}{2}$ kỳ hụi chết, số tiền 2.500.000 đồng. Số tiền chị còn phải góp cho bà Ch là 14.400.000 đồng.

Các dây hụi chưa hốt hụi :

Dây thứ hai: đã góp 5.550.000 đồng;

Dây thứ ba: đã góp 5.550.000 đồng;

Dây thứ tư: đã góp 5.450.000 đồng. Bà Chàng phải hoàn lại cho chị Loan số tiền 16.550.000 đồng.

Sau khi khấu trừ, bà Ch phải hoàn trả lại cho chị L số tiền 2.150.000 đồng.

Đối với các dây mùa 04 tháng khui 01 kỳ:

1. Hụi 5.000.000 đồng, khui ngày 09/02/2017 âm lịch, chị L tham gia 08 dây, mỗi dây 01 phần.

Dây hụi đã hốt hụi :

Dây thứ tư: khui ngày 09/02/2017 âm lịch, số tiền khui hụi 2.100.000 đồng, trừ hoa hồng nhận được số tiền 30.400.000 đồng. Chị L đồng ý hoàn trả lại số tiền này.

Các dây hụi và phần hụi chưa hốt hụi : Từ dây thứ nhất đến dây thứ ba và từ dây thứ năm đến dây thứ tám, mỗi dây đã góp 2.900.000 đồng. Bà Ch phải hoàn lại cho chị L số tiền 20.300.000 đồng.

Sau khi khấu trừ, chị L phải góp cho bà Ch là 10.100.000 đồng.

2. Hụi khui ngày 09/02/2017 âm lịch, số tiền góp 2.000.000 đồng/kỳ. Chị L tham gia 10 dây, mỗi dây 01 phần.

Dây hụi đã hốt hụi :

Dây thứ tám: khui ngày 09/02/2017 âm lịch, số tiền khui hụi 900.000 đồng, trừ hoa hồng nhận được số tiền 12.600.000 đồng. Chị L đồng ý hoàn trả lại số tiền này.

Các dây hụi chưa hốt hụi: Từ dây thứ nhất đến dây thứ bảy, dây thứ chín và dây thứ mười, mỗi dây đã góp 1.100.000 đồng. Bà Ch phải hoàn lại cho chị Loan số tiền 9.900.000 đồng.

Sau khi khấu trừ, chị L phải góp cho bà Ch 2.700.000 đồng.

Tổng số tiền bà Ch phải hoàn trả cho chị L là 81.190.000 đồng, số tiền chị L phải góp cho bà Ch 28.060.000 đồng. Sau khi khấu trừ bà Ch còn phải trả chị L số tiền 53.130.000 đồng. Chị L tham gia góp hụi bằng tiền cá nhân, anh V không biết nên không liên quan. Chị L phản tố yêu cầu bà Ch có trách nhiệm trả lại cho

chị L số tiền 53.130.000 đồng, không yêu cầu trả lãi. Chị đồng ý trả bà Ch, ông T số tiền 51.000.000 đồng. Ngoài ra, chị L còn trình bày số tiền 51.000.000 đồng nợ bà T, chị L và anh V thống nhất trả cho bà T tại Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 23/2019/QĐST-DS ngày 28/5/2019 của Tòa án nhân dân huyện T.

** Bị đơn anh Trần Khắc V có chị Phan Thị Ánh L đại diện trình bày:*

Thống nhất lời trình bày và yêu cầu phản tố của chị L, không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề gì khác.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T có chị Nguyễn Thị D đại diện trình bày:* Thống nhất với yêu cầu khởi kiện của bà Ch.

** Bà Nguyễn Thị T trình bày:* bà T có tham gia nhiều dây hụi do bà Ch làm đầu thảo. Trong 39 dây hụi tranh chấp giữa bà Ch với chị L thì bà T tham gia 01 phần tại dây hụi thứ nhất khai ngày 09/01/2016 âm lịch, chị L tham gia 01 phần và đã hốt hụi, còn lại 02 phần hụi chưa khai là bà và bà Nguyễn Thị H. Sau khi kết sổ, bà T được hoàn lại hụi vốn tại các dây hụi tổng cộng số tiền 54.000.000 đồng. Chị L thỏa thuận được bà T và Ch thống nhất để chị L trực tiếp trả cho bà T số tiền 54.000.000 đồng, đã trả số tiền 3.000.000 đồng, còn lại 51.000.000 đồng được giải quyết bằng Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 23/2019/QĐST-DS ngày 28/5/2019 của Tòa án nhân dân huyện T.

** Người làm chứng bà Nguyễn Thị H trình bày:* có tham gia 02 dây hụi khai ngày 09/01/2016 âm lịch, mỗi dây tham gia 02 phần và cả 04 phần hụi bà đã khai. Chị L tham gia 02 dây, mỗi dây tham gia 01 phần và cả 02 phần hụi chị L đã khai. Lời trình bày của chị L cho rằng 02 phần hụi chị chưa khai là không đúng.

** Người làm chứng chị Bùi Thị C trình bày:* có tham gia hụi do bà Ch làm đầu thảo. Tuy nhiên, 39 dây hụi tranh chấp giữa bà Ch với chị L thì chị không tham gia.

** Người làm chứng bà Nguyễn Thị Ngọc L và bà Võ Thị H cùng trình bày:* Bà L, bà H và chị L là hụi viên tham gia góp hụi do bà Ch làm đầu thảo. Do bà Ch chỉ mở sổ hụi cái, không mở tờ hụi cho từng hụi viên nên bà L, bà H không biết chị L tham gia góp những dây hụi nào, tham gia bao nhiêu phần, đã khai hay chưa khai hụi. Tuy nhiên, khi hốt hụi thì hụi viên phải ký tên vào sổ hụi của bà Chàng quản lý.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 26/2019/DS-ST ngày 20 tháng 6 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Vĩnh Long đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 351, Điều 471 của Bộ luật Dân sự; điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 11, điểm a khoản 3 Điều 17 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 của Chính Phủ về họ, hụi, bên,

phường; khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2, khoản 5 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, kèm theo danh mục án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ch.

Buộc chị Phan Thị Ánh L và anh Trần Khắc V cùng có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị Ch và ông Nguyễn Văn T số tiền 51.000.000 (năm mươi một triệu) đồng.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định không chấp nhận yêu cầu phản tố của chị Phan Thị Ánh L; về lãi suất chậm thi hành án, án phí, quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án nhưng không bị kháng cáo, kháng nghị.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 24/6/2019 bị đơn chị L kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung: Bản án sơ thẩm buộc chị L và anh V trả bà Ch 51.000.000đ là không khách quan gây thiệt thòi quyền lợi của chị L, bởi số tiền hui chưa rõ ràng, chưa cân trừ số tiền mà chị L đã đóng cho bà Ch, Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ch.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người kháng cáo chị Loan xin bà Ch, ông T giảm bớt số tiền nợ hui 5.000.000đ, đồng ý trả số tiền nợ hui 46.000.000đ.

Bà Ch, ông T đồng ý giảm bớt cho chị L số tiền nợ hui 5.000.000đ, đồng ý nhận số tiền nợ hui 46.000.000đ do chị Loan, anh Vũ trả.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Ch có ý kiến: Đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của các đương sự chị L, anh V có trách nhiệm trả cho bà Ch và ông T số tiền nợ hui 46.000.000đ.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông T có ý kiến: Đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của các đương sự chị L, anh V có trách nhiệm trả cho bà Ch và ông T số tiền nợ hui 46.000.000đ.

Quan điểm của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long như sau:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm là phù hợp pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 300, khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự ; Chị L, anh V có nghĩa vụ trả bà Ch, ông T số tiền nợ hui là 46.000.000đ. Sửa án sơ thẩm.

- Áp dụng khoản 2 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị đơn kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tòa sơ thẩm xét xử ngày 10/06/2019 thì đến ngày 24/06/2019 Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Vĩnh Long nhận đơn kháng cáo của chị Loan còn trong hạn luật định nên là kháng cáo hợp lệ. Do vậy vụ án được xem xét theo trình tự phúc thẩm quy định tại Điều 293 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Ch, ông T tự nguyện giảm bớt số tiền nợ hui cho chị L, đồng ý cho chị L anh V trả số tiền nợ hui là 46.000.000đ; Chị L, anh V do chị L đại diện đồng ý trả cho bà Ch, ông T số tiền nợ hui 46.000.000đ. Như vậy, các đương sự đã tự nguyện thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, chị L, anh V có nghĩa vụ trả bà Ch, ông T số tiền nợ hui là 46.000.000đ. Xét sự thỏa thuận giữa bà Ch, ông T và chị L, anh V là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử thống nhất công nhận sự thỏa thuận của các đương sự và sửa bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí: Do sửa bản án sơ thẩm nên người kháng cáo là chị L không phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định tại Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Án phí dân sự sơ thẩm được xác định lại: Chị L, anh V phải nộp án phí đối với số tiền phải trả $46.000.000đ \times 5\% = 2.300.000đ$.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về việc không chấp nhận yêu cầu phản tố của chị Phan Thị Ánh L không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 300, khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Sửa bản án sơ thẩm số 26/2019/DS-ST ngày 10 tháng 6 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Vĩnh Long. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

1. Sự thỏa thuận của bà Nguyễn Thị Ch, ông Nguyễn Văn T và chị Phan Thị Ánh L, anh Trần Khắc V cụ thể như sau:

- Chị Phan Thị Ánh L, anh Trần Khắc V có nghĩa vụ trả bà Nguyễn Thị Ch, ông Nguyễn Văn T số tiền nợ hụi 46.000.000đ (bốn mươi sáu triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án, thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất qui định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí : Áp dụng Điều 147,148 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Chị Phan Thị Ánh L không phải nộp án phí phúc thẩm; Chị Phan Thị Ánh L và anh Trần Khắc V phải nộp án phí sơ thẩm 2.300.000đ (hai triệu ba trăm ngàn đồng) được khấu trừ số tiền nộp tạm ứng án phí sơ thẩm 1.525.000đ (một triệu năm trăm hai mươi lăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0011283 ngày 24/9/2018 và tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0011888 ngày 24/06/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T. Chị L, anh V phải nộp tiếp số tiền 475.000đ (bốn trăm bảy mươi lăm ngàn đồng).

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về việc không chấp nhận yêu cầu phản tố của chị Phan Thị Ánh L không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- Tổ Nghiệp vụ;
- TAND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Ngọc Dung

